TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22**/2018/DS-ST
Ngày 03 / 4 /2018
V/v " Tranh chấp
hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thuở.
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông Trần Văn Hổ.
2.Ông Trần Hữu Tân.
- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Thảo

Trong ngày 03 tháng 4 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 329/2017/TLST- DS ngày 07 tháng 11 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn*: Ngân hàng N.

Địa chỉ: 02, Láng Hạ, phường T, quận BĐ, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K- Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Văn Đ -Chức vụ Giám đốc Ngân hàng nông S -Chi nhánh ĐK(Theo văn bản ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Văn Đ: Ông Nguyễn Phan D, -Chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch và kinh doanh Ngân hàng S –Chi nhánh ĐK (Theo văn bản ủy quyền số 291A/NHNĐK-TH ngày 01/12/2017).

Địa chỉ: 14A, Đại lộ Đồng Khởi, phường 2, thành phố B, tỉnh B.

2.*Bị đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: 64A, ấp Mỹ An, xã M, thành phố B, tỉnh B.

3.*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Lê Minh Đ1, sinh năm 1999.
Địa chỉ: 64A, ấp Mỹ An, xã M, thành phố B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 13/11/2015 bà Trần Thị H có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng S -Chi nhánh ĐK vay số tiền 100.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 15.09.12.4014/HĐTD.

-Vay theo hình thức từng lần.

-Mục đích vay để bơm cát, xây rào.

-Thời hạn vay 60 tháng.

-Thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 13/11/2020.

-Định kỳ trả gốc: 20 kỳ, số tiền 5.000.000 đồng/kỳ, kỳ cuối trả tất.

-Lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết hợp đồng: 11%/năm, lãi suất quá hạn 16,5%/năm.

-Biện pháp bảo đảm tiền vay gồm:

+Quyền sử dụng đất diện tích 2.125,9 m^2, thuộc thửa số 184, tờ bản đồ số 15, tại xã T, huyện M, tỉnh B do bà Trần Thị H đứng tên quyền sử dụng đất.

+Quyền sử dụng đất diện tích 524,8 m^2, thuộc thửa số 165, tờ bản đồ số 15, tại xã Thanh Tân, huyện M, tỉnh B do bà Trần Thị H đứng tên quyền sử dụng đất.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà H và người liên quan không thực hiện đúng như thỏa thuận, không trả nợ đúng theo phân kỳ, số nợ đã chuyển sang quá hạn, tổng số nợ tính đến ngày 03/4/2018 là 100.572.914 đồng, trong đó: nợ gốc là 85.000.000 đồng, lãi trong hạn là 14.218.608 đồng, lãi quá hạn là 1.354.306 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà H trả nợ nhưng không có kết quả. Nay Ngân hàng yêu cầu bà Trần Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Lê Minh Đ1 (con bà H) có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi đến ngày 03/4/2018 là 100.572.914 đồng và tính lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết từ ngày 04/4/2018. Trường hợp bà H anh Đ1 không trả đề nghị Tòa án xử lý các quyền sử dụng đất đã thế chấp của bà H theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị H, anh Lê Minh Đ1 không đến Tòa án, đồng thời không có gửi văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Minh Đ1 vắng mặt, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đồng thời không có người đại diện tham gia phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H, anh Đ1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Vào ngày 13/11/2015 bà Trần Thị H có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng S -Chi nhánh ĐK (Argibank ĐK) vay số tiền 100.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 15.09.12.4014/HĐTD. Để bảo đảm các khoản tiền vay bà Trần Thị H và

anh Lê Minh Đ1 (con bà H) đã thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 2.125,9 m^2, thuộc thửa số 184, tờ 15 và diện tích 524,8 m^2, thuộc thửa số 165, tờ bản đồ số 15, cùng tại xã Thanh Tân, huyện M, tỉnh B do bà Trần Thị H đứng tên quyền sử dụng đất theo các hợp đồng thế chấp số 15.09.12.4014/HĐTC ngày 13/11/2015. Quá trình thực hiện hợp đồng bà H đã nhận tiền vay theo giấy nhận nợ và kế hoạch trả nợ ngày 19/11/2015 nhưng bà không thực hiện trả nợ đúng như thỏa thuận, chỉ trả được số nợ gốc là 15.000.000 đồng, không trả nợ đúng theo phân kỳ, ngân hàng đã chuyển số nợ sang quá hạn. Tổng số tiền bà H nợ ngân hàng đến ngày 03/4/2018 là 100.572.914 đồng, trong đó: nợ gốc là 85.000.000 đồng, lãi trong hạn là 14.218.608 đồng, lãi quá hạn là 1.354.306 đồng. Việc bà H không trả tiền cho Ngân hàng đúng như thỏa thuận là đã vi phạm hợp đồng nên bà phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 03/4/2018 là 100.572.914 đồng.

[3] Về việc nguyên đơn yêu cầu anh Lê Minh Đ1 là con của bà H liên đới cùng bà H trả nợ, nhận thấy anh Đ1 không trực tiếp cùng bà H ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng, anh Đ1 chỉ là người cùng ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất với bà H nên anh không có trách nhiệm liên đới cùng bà H trả cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi nêu trên. Tuy nhiên, trường hợp bà H không trả tiền cho ngân hàng thì ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản mà bà H và anh Đ1 đã thế chấp theo quy định của pháp luật.

[4] Do vi phạm nghĩa vụ nên bà H phải chịu án phí DSST theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phía Tòa án là: 100.572.914 đồng x 5% = 5.028.645 đồng.

[5] Hoàn trả cho Ngân hàng S (Ngân hàng nông S- Chi nhánh ĐK là người nhận) số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1.Buộc bà Trần Thị H trả cho Ngân hàng S (Ngân hàng S- Chi nhánh ĐK là người nhận) số tiền nợ tính đến ngày 03/4/2018 là 100.572.914 đ (Một trăm triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm mười bốn đồng), trong đó nợ gốc là 85.000.000 đồng, lãi trong hạn là 14.218.608 đồng, lãi quá hạn là 1.354.306 đồng.

Trong trường hợp bà Trần Thị H không trả cho Ngân hàng N (Ngân hàng N –Chi nhánh ĐK là người nhận) số tiền trên thì bà H còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 15.09.12.4014/HĐTD ngày 13/11/2015 được ký kết giữa bà Trần Thị H với Ngân hàng N –Chi nhánh ĐK tính từ ngày 04 tháng 4 năm 2018 đến khi trả xong nợ .

Để đảm bảo quyền lợi cho bên cho vay, trong trường hợp bà Trần Thị H, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 2.125,9 m^2, thuộc thửa số 184, tờ 15 và diện tích 524,8 m^2, thuộc thửa số 165, tờ bản đồ số 15, cùng tại xã T, huyện M, tỉnh B do bà Trần Thị H đứng tên quyền sử dụng đất theo các hợp đồng thế chấp số 15.09.12.4014/HĐTC ngày 13/11/2015.

2.Về án phí:

-Buộc bà Trần Thị H phải chịu án phí DSST có giá ngạch là 5.028.645 đ (Năm triệu hai mươi tám nghìn sáu trăm bốn mươi lăm đồng).

-Hoàn trả cho Ngân hàng S (Ngân hàng S - Chi nhánh ĐK là người nhận) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.356.000 đồng theo biên lai thu số 0013235 ngày 03/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

3.Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Phòng kiểm tra nghiệp vụ và THA -TAND tỉnh B;
-VKSND Tp. B;
-Chi cục THADS Tp. B;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.
-Lưu V.Phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở